

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 606/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 02-6-2021  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Ngọc Hải**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Võ Văn Tuấn**
2. Ông **Lê Văn Dương**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Xuân Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà **Nguyễn Thị Thúy Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1037/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1984.  
Địa chỉ: B7/212B, ấp H, xã P, huyện B, TP.HCM.
2. Bị đơn: Bà **Mai Thị Huyền T**, sinh năm 1984.  
Địa chỉ: B7/212B, ấp H, xã P, huyện B, TP.HCM.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn – Ông Nguyễn Thanh T trình bày như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 1/2006 do Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 06/7/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc, sau một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông T và bà T sống ly thân từ năm 2015. Hiện nay ông T không còn tình cảm với bà T nữa, ông T yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Nhật Kỳ A, sinh ngày 10/5/2011.

Hiện nay 01 con đang sống chung với ông T tại địa chỉ B7/212B, ấp H, xã P, huyện B, TP.HCM.

Ông T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Nhật Kỳ A, sinh năm 2011 đến trưởng thành; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn – Ông Nguyễn Thanh T vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại tòa).

**Bị đơn – Bà Mai Thị Huyền T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.**

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Thanh T khởi kiện xin ly hôn với Bà Mai Thị Huyền T, đây là tranh chấp về ly hôn. Bà Mai Thị Huyền T cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Mai Thị Huyền T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt. Ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông Nguyễn Thanh T, Bà Mai Thị Huyền T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và Bà Mai Thị Huyền T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 1/2006 do Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 06/7/2006. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Ông Nguyễn Thanh T và Bà Mai Thị Huyền T là hợp pháp.

[4] Theo Ông Nguyễn Thanh T xác định: Hiện nay, ông T không còn tình cảm với bà T nữa, ông T và bà T không còn quan tâm chăm sóc cho nhau và đã sống ly thân từ năm 2015.

[5] Theo Công văn số 319/UBND ngày 24/6/2021 của Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, về việc thông tin kết quả xác minh, có nội dung: Trong quá trình chung sống giữa Ông Nguyễn Thanh T và Bà Mai Thị Huyền T không rõ có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh.

[6] Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải giữa Ông Nguyễn Thanh T và Bà Mai Thị Huyền T, nhưng bà T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

[7] Căn cứ vào Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng”.*

[8] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

*“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm*

vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[9] Xét thấy, ông T không còn tình cảm với bà T, ông T và bà T không còn quan tâm chăm sóc cho nhau là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được.

[10] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu ly hôn với Bà Mai Thị Huyền T.

[11] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Nhật Kỳ A, sinh ngày 10/5/2011 có nguyện vọng được sống chung với ông T. Hiện nay cháu Nguyễn Nhật Kỳ A đang ở với ông T.

[12] Xét quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Nhật Kỳ A, sinh năm 2011 đến trưởng thành; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[13] Về tài sản chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[14] Về nợ chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Ông Nguyễn Thanh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080142 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông Nguyễn Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Thanh Tn về việc yêu cầu ly hôn với Bà Mai Thị Huyền T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với Bà Mai Thị Huyền T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 1/2006 do Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 06/7/2006 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: có 01 con chung tên: Nguyễn Nhật Kỳ A, sinh năm 2011.

Giao con chung tên Nguyễn Nhật Kỳ A, sinh năm 2011 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ghi nhận việc ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

1.4. Về nợ chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Ông Nguyễn Thanh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080142 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông Nguyễn Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT-HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Lê Ngọc Hải**